

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 38

12345678910

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các Tỉnh/Thành phố khác tại Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên
Bà Hà Lan Anh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban	
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên	
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Khái	Thành viên	từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Hiền	Tổng Giám đốc	
Bà Đinh Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2025

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Hữu Hiền.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Tray mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Hữu Hiền  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 12210159/67745218

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3458-2025-004-1



Ngô Đức Nhật  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 5627-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.932.097.472.420</b>	<b>1.944.331.179.512</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>20.839.104.211</b>	<b>50.273.990.216</b>
111	1. Tiền	4	20.839.104.211	50.273.990.216
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.011.776.876.823</b>	<b>1.020.200.668.353</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	981.270.760.176	952.415.532.346
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	18.251.158.959	21.803.253.328
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	48.007.819.080	70.943.454.859
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(35.752.861.392)	(24.961.572.180)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>885.384.170.267</b>	<b>860.259.783.505</b>
141	1. Hàng tồn kho		890.906.558.017	864.656.693.422
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.522.387.750)	(4.396.909.917)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.097.321.119</b>	<b>13.596.737.438</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.090.909.101	1.993.977.525
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.006.412.018	11.602.759.913
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>206.816.411.350</b>	<b>221.237.248.291</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>650.000.000</b>	<b>1.662.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	650.000.000	1.662.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>164.381.212.491</b>	<b>174.770.531.716</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	85.707.370.414	93.216.873.407
222	Nguyên giá		187.956.014.815	185.752.619.336
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(102.248.644.401)	(92.535.745.929)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	78.673.842.077	81.553.658.309
228	Nguyên giá		97.704.403.845	97.704.403.845
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.030.561.768)	(16.150.745.536)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>315.000.000</b>	<b>270.000.001</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	315.000.000	270.000.001
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>39.712.893.387</b>	<b>43.822.322.086</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		16.587.396.125	16.587.396.125
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		3.520.408.664	3.520.408.664
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.867.396.125)	(5.757.967.426)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.757.305.472</b>	<b>712.394.488</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.757.305.472	712.394.488
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.138.913.883.770</b>	<b>2.165.568.427.803</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.917.466.114.237</b>	<b>1.954.645.902.800</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.888.267.538.425</b>	<b>1.895.397.683.108</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	996.223.876.429	1.075.393.567.677
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	14.815.414.612	27.944.900.536
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.924.084.965	1.515.282.113
314	4. Phải trả người lao động		9.109.888.013	6.629.222.766
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.596.580.335	2.094.054.880
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.643.929	49.643.929
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	8.980.244.178	19.045.230.493
320	8. Vay ngắn hạn	18	851.919.198.962	762.725.780.714
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	1.648.607.002	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>29.198.575.812</b>	<b>59.248.219.692</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1	-	30.000.000.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		198.575.812	248.219.692
338	3. Vay dài hạn	18	29.000.000.000	29.000.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>221.447.769.533</b>	<b>210.922.525.003</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>221.447.769.533</b>	<b>210.922.525.003</b>
411	1. Vốn cổ phần		182.700.000.000	182.700.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.700.000.000	182.700.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(586.200.000)	(586.200.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.071.115.794	9.071.115.794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.262.853.739	19.737.609.209
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.633.209.209	11.059.833.290
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		19.629.644.530	8.677.775.919
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.138.913.883.770</b>	<b>2.165.568.427.803</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

  
Chu Thị Bích Hồng  
Người lập

  
Nguyễn Triệu Ngọc Thuận  
Kế toán trưởng

  
Bùi Hữu Hiền  
Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	3.215.977.580.908	3.052.919.375.941
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(7.297.762.661)	(22.818.103.573)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	3.208.679.818.247	3.030.101.272.368
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(2.972.775.353.254)	(2.821.451.528.685)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		235.904.464.993	208.649.743.683
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	27.093.233.957	37.436.756.804
22	7. Chi phí tài chính	24	(53.025.407.341)	(64.526.999.999)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(39.107.005.426)	(53.113.210.262)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(126.149.961.420)	(115.876.140.533)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(50.435.067.152)	(47.950.658.845)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.387.263.037	17.732.701.110
31	11. Thu nhập khác	25	622.692.967	508.561.286
32	12. Chi phí khác	25	(1.259.919.904)	(2.551.607.132)
40	13. Lỗ khác	25	(637.226.937)	(2.043.045.846)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.750.036.100	15.689.655.264
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(8.120.391.570)	(4.703.182.370)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.629.644.530	10.986.472.894

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Chu Thị Bích Hồng  
Người lập



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận  
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>32.750.036.100</b>	<b>15.689.655.264</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	14.529.146.019	14.411.638.582
03	Dự phòng		16.381.189.426	20.020.283.139
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.966.519.100	1.788.542.492
05	Lãi thuần từ hoạt động đầu tư		(405.247.005)	(247.226.285)
06	Chi phí lãi vay	24	39.107.005.426	53.113.210.262
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>105.328.649.066</b>	<b>104.776.103.454</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(2.724.781.605)	75.930.132.835
10	Tăng hàng tồn kho		(26.604.858.277)	(140.297.802.647)
11	Giảm các khoản phải trả		(130.228.453.324)	(22.421.874.461)
12	Tăng chi phí trả trước		(141.842.560)	(1.039.703.295)
14	Tiền lãi vay đã trả		(39.973.726.309)	(52.590.363.175)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.872.965.726)	(4.826.665.069)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.351.392.998)	(3.681.790.001)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(105.569.371.733)</b>	<b>(44.151.962.359)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.579.614.786)	(3.402.794.347)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		770.229.674	505.414.768
27	Lãi tiền gửi		29.805.324	48.152.210
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(3.779.579.788)</b>	<b>(2.849.227.369)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	2.612.693.397.228	2.403.455.189.446
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(2.523.499.978.980)	(2.324.336.822.001)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(9.021.075.311)	(12.742.265.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>80.172.342.937</b>	<b>66.376.102.445</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(29.176.608.584)	19.374.912.717
60	Tiền đầu năm	4	50.273.990.216	30.556.323.557
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(258.277.421)	342.753.942
70	Tiền cuối năm	4	20.839.104.211	50.273.990.216

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Chu Thị Bích Hồng  
Người lập



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận  
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 400 (31 tháng 12 năm 2023: 446).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.14 Vốn góp của chủ sở hữu**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

**Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính riêng sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	350.014.410	776.151.536
Tiền gửi ngân hàng	20.489.089.801	49.497.838.680
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.839.104.211</b>	<b>50.273.990.216</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	981.270.760.176	952.415.532.346
<i>Công ty TNHH Dược phẩm An Vương</i>	177.271.677.134	28.879.989.375
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Khun Thắng</i>	102.299.153.275	89.747.415.885
<i>Khác</i>	701.699.929.767	833.788.127.086
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng ( <i>Thuyết minh số 7</i> )	(31.616.948.811)	(20.744.680.332)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>949.653.811.365</b>	<b>931.670.852.014</b>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tasly Pharmaceutical Group Co., Ltd	5.633.250.000	-
Prime Pharmaceuticals Ltd – India	4.425.294.690	1.818.575.291
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ VMED	3.257.163.000	-
Brawn Laboratories Ltd	-	6.550.781.250
Piramal Pharma Ltd	-	3.243.555.176
Các công ty khác	4.935.451.269	10.190.341.611
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.251.158.959</b>	<b>21.803.253.328</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)	(278.011.205)	(508.336.405)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>17.973.147.754</b>	<b>21.294.916.923</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>48.007.819.080</b>	<b>70.943.454.859</b>
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	29.164.537.400	27.797.482.028
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	5.301.389.853	18.152.997.664
Tạm ứng cho nhân viên	3.730.080.545	1.325.660.262
Ký quỹ, ký cược	2.021.096.333	1.779.218.047
Lãi phạt trả chậm	1.372.947.026	16.235.169.910
Khác	6.417.767.923	5.652.926.948
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	48.007.819.080	70.642.051.127
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	-	301.403.732
<b>Dài hạn</b>	<b>650.000.000</b>	<b>1.662.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược	650.000.000	1.662.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.657.819.080</b>	<b>72.605.454.859</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (Thuyết minh số 7)	(3.857.901.376)	(3.708.555.443)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>44.799.917.704</b>	<b>68.896.899.416</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 7. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>41.863.155.512</b>	<b>(31.616.948.811)</b>	<b>10.246.206.701</b>	<b>43.582.330.998</b>	<b>22.837.650.666</b>
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	19.954.092.956	(14.675.102.753)	5.278.990.203	20.385.362.610	9.947.274.926
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên	5.183.291.111	(2.436.511.787)	2.746.779.324	8.909.397.760	8.909.397.760
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	4.086.849.776	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	2.908.892.308	-
Trung tâm Y tế Quận 10	1.046.839.544	(1.046.839.544)	-	1.072.687.095	1.072.687.095
Các khách hàng khác	8.683.189.817	(6.462.752.643)	2.220.437.174	6.219.141.449	2.908.290.885
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.914.610.839</b>	<b>(3.857.901.376)</b>	<b>56.709.463</b>	<b>3.914.610.839</b>	<b>206.055.396</b>
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Phát	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	2.610.867.617	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Hải Đăng Koko	816.000.000	(816.000.000)	-	816.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	487.743.222	(431.033.759)	56.709.463	487.743.222	206.055.396
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>278.011.205</b>	<b>(278.011.205)</b>	<b>-</b>	<b>508.336.405</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	278.011.205	(278.011.205)	-	508.336.405	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.055.777.556</b>	<b>(35.752.861.392)</b>	<b>10.302.916.164</b>	<b>48.005.278.242</b>	<b>23.043.706.062</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. NỢ QUÁ HẠN** (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.961.572.180	13.016.519.327
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	11.595.002.339	12.983.335.475
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	(803.713.127)	(1.038.282.622)
Số cuối năm	<u>35.752.861.392</u>	<u>24.961.572.180</u>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	855.487.896.708	719.678.325.209
Hàng mua đang đi đường	<u>35.418.661.309</u>	<u>144.978.368.213</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>890.906.558.017</b>	<b>864.656.693.422</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(5.522.387.750)</u>	<u>(4.396.909.917)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>885.384.170.267</b>	<b>860.259.783.505</b>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.396.909.917	8.548.617.873
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	7.932.773.105	4.372.372.021
<i>Trừ:</i> Sử dụng dự phòng trong năm	(354.993.682)	(6.468.970.816)
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(6.452.301.590)</u>	<u>(2.055.109.161)</u>
Số cuối năm	<u>5.522.387.750</u>	<u>4.396.909.917</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.090.909.101</b>	<b>1.993.977.525</b>
Chi phí thuê	1.090.909.101	1.454.312.450
Khác	-	539.665.075
<b>Dài hạn</b>	<b>1.757.305.472</b>	<b>712.394.488</b>
Chi phí bảo trì, sửa chữa	<u>1.757.305.472</u>	<u>712.394.488</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.848.214.573</b>	<b>2.706.372.013</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quân lý	Khác	Tổng cộng
						VND
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	95.966.408.877	48.069.341.668	38.557.681.347	3.101.379.981	57.807.463	185.752.619.336
Mua trong năm	-	1.374.539.976	2.836.686.667	323.388.144	-	4.534.614.787
Thanh lý	-	-	(2.331.219.308)	-	-	(2.331.219.308)
Số cuối năm	95.966.408.877	49.443.881.644	39.063.148.706	3.424.768.125	57.807.463	187.956.014.815
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	7.163.447.078	1.314.900.090	15.023.695.220	2.317.678.073	57.807.463	25.877.527.924
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	32.759.779.772	30.794.915.475	25.960.729.021	2.962.514.198	57.807.463	92.535.745.929
Khấu hao trong năm	4.367.050.200	4.978.468.346	2.222.458.061	81.353.180	-	11.649.329.787
Thanh lý	-	-	(1.936.431.315)	-	-	(1.936.431.315)
Khác	-	113.175.208	(8.798.958)	(104.376.250)	-	-
Số cuối năm	37.126.829.972	35.886.559.029	26.237.956.809	2.939.491.128	57.807.463	102.248.644.401
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	63.206.629.105	17.274.426.193	12.596.952.326	138.865.783	-	93.216.873.407
Số cuối năm	58.839.578.905	13.557.322.615	12.825.191.897	485.276.997	-	85.707.370.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	95.082.437.845	2.621.966.000	97.704.403.845
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	558.677.536	-	558.677.536
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	15.059.255.874	1.091.489.662	16.150.745.536
Hao mòn trong năm	2.539.673.028	340.143.204	2.879.816.232
Số cuối năm	17.598.928.902	1.431.632.866	19.030.561.768
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	80.023.181.971	1.530.476.338	81.553.658.309
Số cuối năm	77.483.508.943	1.190.333.134	78.673.842.077

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	165.000.000	99.000.001
Khác	150.000.000	171.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>315.000.000</b>	<b>270.000.001</b>

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 13.1</i> )	16.587.396.125	16.587.396.125
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 13.2</i> )	3.520.408.664	3.520.408.664
Đầu tư vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 13.3</i> )	29.472.484.723	29.472.484.723
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.580.289.512</b>	<b>49.580.289.512</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(9.867.396.125)	(5.757.967.426)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>39.712.893.387</b>	<b>43.822.322.086</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.1 Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào	Sản xuất và phân phối thuốc	93,7	<u>16.587.396.125</u>	93,7	<u>16.587.396.125</u>

Chi tiết giá trị thuần khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần (*)	Giá gốc	Giá trị thuần
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào	<u>16.587.396.125</u>	<u>6.720.000.000</u>	<u>16.587.396.125</u>	<u>10.829.428.699</u>

(\*) Công ty đang trong quá trình xử lý việc chuyển nhượng phần góp vốn của Công ty tại Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào thông qua hình thức đấu giá công khai. Giá trị thuần của khoản đầu tư vào công ty con được Công ty lập căn cứ theo kết quả đấu thầu ngày 22 tháng 1 năm 2025 và Hợp đồng Chuyển nhượng cổ phần ngày 6 tháng 2 năm 2025.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng đầu tư vào công ty con:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.757.967.426	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	<u>4.109.428.699</u>	<u>5.757.967.426</u>
Số cuối năm	<u>9.867.396.125</u>	<u>5.757.967.426</u>

**13.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc		<u>3.520.408.664</u>	<u>30</u>	<u>3.520.408.664</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.3 Đầu tư vào đơn vị khác**

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (*)	Bất động sản	3,68	22.983.000.000	3,68	22.983.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (*)	Bất động sản	3,82	6.017.000.000	3,82	6.017.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	0,86	472.484.723	0,86	472.484.723
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>29.472.484.723</b>		<b>29.472.484.723</b>

(\*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương để đảm bảo cho các khoản vay.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**14.1 Phải trả người bán**

	VND	
	Số cuối năm/Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm/Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>996.223.876.429</b>	<b>1.075.393.567.677</b>
Phải trả các bên khác	994.921.054.894	1.074.208.305.965
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	228.034.625.325	289.484.276.110
Các công ty khác	766.886.429.569	784.724.029.855
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	1.302.821.535	1.185.261.712
<b>Dài hạn</b>	-	<b>30.000.000.000</b>
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	-	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>996.223.876.429</b>	<b>1.105.393.567.677</b>



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

### 14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Dược	3.456.503.079	566.103.600	
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Trường Tồn	3.378.237.903	-	
Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	2.072.402.180	15.968.616.932	
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Trà Vinh	1.872.839.020	-	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Nhân Khoa Sài Gòn	1.090.991.078	1.726.264.499	
Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng	-	3.479.000.000	
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Và Khu vực Phát triển Đô thị tỉnh An Giang	-	2.261.533.002	
Các công ty khác	2.944.441.352	3.943.382.503	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.815.414.612</b>	<b>27.944.900.536</b>	

## 15. THUẾ

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm		VND
	Phải thu	Phải trả				Phải thu	Phải trả	
Thuế giá trị gia tăng - hàng nội địa	-	-	(170.659.777.851)	169.912.169.236	747.608.615	-	-	
Thuế giá trị gia tăng - hàng nhập khẩu	-	-	(53.088.066.904)	-	53.082.680.708	-	(5.386.196)	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(3.137.587)	(3.845.764.615)	-	3.845.764.615	-	(3.137.587)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.301.434.244)	(8.120.391.570)	-	7.872.965.726	-	(1.548.860.088)	
Thuế thu nhập cá nhân	-	(210.710.282)	(1.234.464.036)	-	1.078.473.224	-	(366.701.094)	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	(20.492.039)	-	20.492.039	-	-	
Các loại thuế khác	-	-	(35.867.000)	-	35.867.000	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>(1.515.282.113)</b>	<b>(237.004.824.015)</b>	<b>169.912.169.236</b>	<b>66.683.851.927</b>	<b>-</b>	<b>(1.924.084.965)</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.621.250.000	-
Chi phí lãi vay	608.478.997	1.475.199.880
Chi phí nhân viên	487.464.000	-
Khác	879.387.338	618.855.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.596.580.335</u></b>	<b><u>2.094.054.880</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ủy thác nhập khẩu	6.578.410.880	11.590.768.871
Nhận ký quỹ, ký cược	479.001.586	1.037.156.772
Cổ tức phải trả	123.735.165	40.410.476
Khác	1.799.096.547	6.376.894.374
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.980.244.178</u></b>	<b><u>19.045.230.493</u></b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. VAY

	Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm/ Số cuối năm/ Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>762.725.780.714</b>		<b>2.612.693.397.228</b>	<b>(2.523.499.978.980)</b>	<b>851.919.198.962</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	756.326.604.712		2.612.693.397.228	(2.517.697.802.980)	851.322.198.960
Vay cá nhân Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	1.772.000.002		-	(1.175.000.000)	597.000.002
	4.627.176.000		-	(4.627.176.000)	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>29.000.000.000</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29.000.000.000</b>
Vay bên khác (Thuyết minh số 18.2)	29.000.000.000		-	-	29.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>791.725.780.714</b>		<b>2.612.693.397.228</b>	<b>(2.523.499.978.980)</b>	<b>880.919.198.962</b>

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. VAY (tiếp theo)

### 18.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm	(Thuyết minh số 5.1, 8 và 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	476.158.775.078	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2025 đến ngày 24 tháng 6 năm 2025	Từ 4,9 đến 5,2	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty trị giá 275.000.000 VND và một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 210.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	182.969.838.424	Từ ngày 27 tháng 2 năm 2025 đến ngày 26 tháng 5 năm 2025	5	Hàng tồn kho luân chuyển không bảo vệ chốt giữ và khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu 300.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	164.949.807.440	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2025	5	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	18.126.777.131	Từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025	Từ 5 đến 6	Hàng hóa tồn kho luân chuyển do Công ty tự quản lý với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu 150.000.000 VND và Quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	9.117.000.887	Từ ngày 29 tháng 5 năm 2025 đến ngày 25 tháng 6 năm 2025	Từ 4,7 đến 4,9	Hàng hóa tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty tại Lô số 9 – Khu công nghiệp Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội với tổng giá trị 62.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển với tổng giá trị 78.000.000.000 VND

## TỔNG CỘNG

**851.322.198.960**

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. VAY (tiếp theo)

### 18.2 Vay dài hạn bên khác

Công ty thực hiện khoản vay này nhằm tài trợ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (Thuyết minh số 13.3). Chi tiết như sau:

Công ty	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND	%/ năm		(Thuyết minh số 13.3)
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm	<u>29.000.000.000</u>	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	-	Toàn bộ cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương

Trong đó:

Vay dài hạn 29.000.000.000

## 19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Số đầu năm  
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối  
Sử dụng quỹ trong năm  
Số cuối năm

	Năm nay	Năm trước	VND
	-		1.373.093.026
	5.000.000.000		2.308.696.975
	<u>(3.351.392.998)</u>		<u>(3.681.790.001)</u>
	<u>1.648.607.002</u>		<u>-</u>

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					VND
Số đầu năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	18.343.353.290	209.528.269.084
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	10.986.472.894	10.986.472.894
Cổ tức công bố	-	-	-	(7.283.520.000)	(7.283.520.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.308.696.975)	(2.308.696.975)
Số cuối năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	19.737.609.209	210.922.525.003
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	19.737.609.209	210.922.525.003
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.629.644.530	24.629.644.530
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(9.104.400.000)	(9.104.400.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số cuối năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	30.262.853.739	221.447.769.533

(\*) Trong năm, Công ty đã công bố chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2024/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 7 năm 2024 với giá trị là 9.104.400.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của các chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>182.700.000.000</u>	<u>182.700.000.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	9.104.400.000	7.283.520.000
Cổ tức đã trả	9.021.075.311	12.742.265.000

**20.3 Cổ phiếu phổ thông**

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.208.800	18.208.800

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**20.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	121.225.000.000	66	121.225.000.000	66
Các cổ đông khác	34.700.000.000	19	34.700.000.000	19
	26.775.000.000	15	26.775.000.000	15
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>182.700.000.000</b></u>	<u><b>100</b></u>	<u><b>182.700.000.000</b></u>	<u><b>100</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.215.977.580.908</b>	<b>3.052.919.375.941</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.175.304.428.785	3.020.950.134.382
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	40.673.152.123	31.969.241.559
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(7.297.762.661)</b>	<b>(22.818.103.573)</b>
Hàng bán bị trả lại	(5.446.131.851)	(18.997.126.460)
Chiết khấu thương mại	(1.039.546.397)	(2.637.024.811)
Giảm giá hàng bán	(812.084.413)	(1.183.952.302)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>3.208.679.818.247</u></b>	<b><u>3.030.101.272.368</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.168.006.666.124	2.998.132.030.809
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	40.673.152.123	31.969.241.559

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán được hưởng	13.786.794.501	11.431.208.624
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện trong năm	9.879.399.083	8.844.013.366
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	3.397.235.049	17.113.382.604
Lãi tiền gửi	29.805.324	48.152.210
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.093.233.957</u></b>	<b><u>37.436.756.804</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.969.418.824.523	2.818.907.190.095
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.876.057.216	227.075.730
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.480.471.515	2.317.262.860
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.972.775.353.254</u></b>	<b><u>2.821.451.528.685</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>126.149.961.420</b>	<b>115.876.140.533</b>
Chi phí nhân viên	70.064.271.881	67.566.170.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.450.137.191	15.962.986.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.687.712.994	12.616.526.298
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.054.471.333	2.402.923.878
Chi phí bán hàng khác	22.893.368.021	17.327.533.321
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>50.435.067.152</b>	<b>47.950.658.845</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.703.340.340	19.660.540.499
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.791.289.212	11.945.052.853
Chi phí nhân viên quản lý	3.500.765.000	3.648.978.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.725.427.309	1.679.106.568
Chi phí dụng cụ quản lý	1.534.417.011	441.185.500
Thuế, phí và lệ phí	64.593.009	133.417.301
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.115.235.271	10.442.377.769
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>176.585.028.572</u></b>	<b><u>163.826.799.378</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	39.107.005.426	53.113.210.262
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện trong năm	6.842.454.116	3.867.279.819
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.109.428.699	5.757.967.426
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm	2.966.519.100	1.788.542.492
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.025.407.341</u></b>	<b><u>64.526.999.999</u></b>

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>622.692.967</b>	<b>508.561.286</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	375.441.681	199.074.075
Khác	247.251.286	309.487.211
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.259.919.904</b>	<b>2.551.607.132</b>
Các khoản phạt	339.644.364	387.912.856
Khác	920.275.540	2.163.694.276
<b>LỖ KHÁC</b>	<b><u>(637.226.937)</u></b>	<b><u>(2.043.045.846)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	2.969.418.824.523	2.818.907.190.095
Chi phí nhân viên	73.565.036.881	71.215.149.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.029.534.747	35.850.602.350
Chi phí khấu hao và hao mòn	14.413.140.303	14.295.632.866
Chi phí dự phòng	12.271.760.727	14.262.315.713
Chi phí khác	43.662.084.645	30.747.437.769
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.149.360.381.826</u></b>	<b><u>2.985.278.328.063</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.828.768.156	4.703.182.370
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	1.291.623.414	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.120.391.570</u></b>	<b><u>4.703.182.370</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>32.750.036.100</u></b>	<b><u>15.689.655.264</u></b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Dự phòng các khoản đầu tư	5.828.184.258	7.826.256.581
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.109.428.699	5.757.967.426
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	1.282.755.559	1.924.289.155
	436.000.000	144.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.434.379.581)	-
Khác	(1.643.404.974)	-
	(2.790.974.607)	-
<b>Lợi nhuận trước thuế ước tính trong năm</b>	<b><u>34.143.840.777</u></b>	<b><u>23.515.911.845</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế 20%	34.143.840.777	23.515.911.845
Lỗ tính thuế	-	-
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>6.828.768.156</u></b>	<b><u>4.703.182.370</u></b>
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	149.290.152	-
Điều chỉnh nộp theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2023	1.142.333.262	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>8.120.391.570</u></b>	<b><u>4.703.182.370</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty mẹ Cổ đông lớn Công ty con Công ty trong cùng tập đoàn/ Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam Công ty Cổ phần hóa Dược phẩm Mekophar	Công ty liên kết Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi-Aventis Việt Nam	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Cổ tức công bố	6.061.250.000	4.849.000.000
	Cổ tức đã trả	6.061.250.000	8.485.750.000
	Hoàn lại cho thuê kho	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ tức công bố	1.735.000.000	1.388.000.000
	Cổ tức đã trả	1.735.000.000	2.656.085.000
	Mua hàng hóa	207.966.171	376.769.637
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	305.174.992	389.683.517

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>			
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Cho thuê kho	-	<u>301.403.732</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	986.099.722	986.099.722
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	310.250.799	135.772.560
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	6.471.014	63.389.430
		<b>1.302.821.535</b>	<b>1.185.261.712</b>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	<i>Chức vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Thu nhập</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	1.104.000.000	957.930.000
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	997.000.000	837.930.000
Bà Đinh Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 3 tháng 3 năm 2025	759.000.000	717.930.000
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT	100.000.000	60.000.000
Bà Hà Lan Anh	Thành viên HĐQT	100.000.000	40.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên HĐQT	100.000.000	10.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng BKS	100.000.000	10.000.000
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên BKS	36.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên BKS	28.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên BKS	8.000.000	24.000.000
Bà Chu Thị Bích Hồng	Trưởng BKS đến ngày 4 tháng 10 năm 2023	-	404.909.318
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.332.000.000</b>	<b>3.086.699.318</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT**

***Bên đi thuê***

Công ty hiện đang thuê kho và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	7.420.800.000	8.461.800.000
Từ 1 năm đến 5 năm	<u>14.331.000.000</u>	<u>19.096.800.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.751.800.000</u></b>	<b><u>27.558.600.000</u></b>

**30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	57.370.036.754	9.347.191.679
Ngoại tệ :		
Đô la Mỹ (USD)	1.192	332.932
Euro (EUR)	1.041	1.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Vào ngày 6 tháng 2 năm 2025, Tổng Giám đốc của Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn của Công ty tại Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào thông qua hình thức đấu giá công khai và đang trong quá trình xử lý các thủ tục hành chính để chuyển giao cho đối tác nhận chuyển nhượng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Chu Thị Bích Hồng  
Người lập



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận  
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền  
Tổng Giám đốc

